

**LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ  
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 478/LMHTXVN - KTr

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2021

Về quy định của Nhà nước hỗ trợ cho các HTX, LHHTX, tổ hợp tác và thành viên gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

Kính gửi: Liên minh Hợp tác xã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Để hỗ trợ cho các thành phần kinh tế, các HTX, liên hiệp HTX, tổ hợp tác gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, Nhà nước đã ban hành chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lãi suất, cho vay vốn... cho người sử dụng lao động và người lao động. Theo đó, Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam yêu cầu Liên minh Hợp tác xã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện như sau:

1. Nghiên cứu chính sách hỗ trợ của Nhà nước được tổng hợp tại Phụ lục kèm theo công văn này; kịp thời tuyên truyền, phổ biến và tư vấn cho các HTX, liên hiệp HTX, tổ hợp tác và thành viên tiếp cận và thụ hưởng các chính sách hỗ trợ.

2. Thường xuyên nắm bắt tình hình khó khăn, vướng mắc của HTX, liên hiệp HTX, tổ hợp tác và thành viên trong quá trình tiếp cận, làm thủ tục thụ hưởng chính sách để phối hợp với các Sở, ngành liên quan xử lý.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Mặt trận TQVN;
- Bộ LĐTB và XH;
- Bộ Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND cấp tỉnh;
- Thường trực, Ủy viên BCH, BTV LMHTXVN;
- Lưu: VT, KTr.

**TM. BAN CHẤP HÀNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Bảo**

PHỤ LỤC

**CÁC VĂN BẢN PHÁP LỆT CỦA NHÀ NƯỚC BAN HÀNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ  
GIẢM THIỂU KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ ĐỔI TỰ ĐỘNG THỤ HƯỞNG**

(Ban hành kèm theo Công văn số: 478 /LMHTXVN-KTr ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Liên minh HTX Việt Nam)

**I. Các văn bản pháp luật ban hành năm 2021 về chính sách hỗ trợ giảm thiểu khó khăn do đại dịch Covid-19**

Số TT	Tên văn bản	Nội dung có liên quan	Thời hạn hiệu lực	Đối tượng thụ hưởng
01	Nghị định 52/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/4/2021 về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021	<p>"1. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế sau:</p> <p>a) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;</p> <p>b) Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tái bền; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất kim loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;</p> <p>c) Xây dựng;.....</p>	Có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành	Doanh nghiệp, tổ chức trong đó có HTX, liên hiệp HTX

	<p>g) Thoát nước và xử lý nước thải.</p> <p>2. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế sau:</p> <p>a) Vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động kinh doanh bất động sản;</p> <p>b) Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; .....</p> <p>đ) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng.</p> <p>3. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; sản phẩm cơ khí trọng điểm.</p> <p>4. Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được xác định theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.....</p> <p>Ngành kinh tế, lĩnh vực của doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này là ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát sinh doanh thu trong năm 2020 hoặc năm 2021.”</p>	
--	--	--



<p><b>02</b></p> <p>Nghị quyết 55/NQ-CP của Chính phủ ngày 02/6/2021 về phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện (đợt 3) cho khách hàng sử dụng điện</p>	<p><i>Thông nhất phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 (đợt 3) như đề xuất của Bộ Công Thương tại Báo cáo số 283/BC-BCT ngày 27 tháng 5 năm 2021.</i></p> <p><i>Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và quy định pháp luật, bảo đảm chặt chẽ, đúng đối tượng, không để trục lợi chính sách; chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất.</i></p>	<p>Có hiệu lực thi hành kể từ ngày Ký (áp dụng trong năm 2021).</p>	<p><b>Khách hàng sử dụng điện.</b></p>
<p><b>03</b></p> <p>Thông tư 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính quy định Mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19</p>	<p>Ngoài giảm mức thu phí lệ phí nói chung giống như các doanh nghiệp, thì HTX kinh doanh vận tải được hỗ trợ, cụ thể như sau:</p> <p><i>“Đối với phí sử dụng đường bộ thu đối với xe ô tô kinh doanh vận tải của doanh nghiệp kinh doanh vận tải, hợp tác xã kinh doanh vận tải, hộ kinh doanh vận tải quy định tại Số thứ tự 28 trong Biểu trên:</i></p> <p><i>- Trường hợp xe ô tô chuyển từ không kinh doanh vận tải sang kinh doanh vận tải trong thời gian có hiệu lực của Thông tư này thì thời điểm áp dụng mức phí theo quy định tại Thông tư này tính từ ngày xe ô tô được ghi nhận trong Chương trình quản lý kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam là xe ô tô kinh doanh vận tải.</i></p> <p><i>- Trường hợp xe ô tô đã được nộp phí theo mức phí quy định tại Thông tư số 293/2016/TT-BTC cho khoảng thời gian có hiệu lực của Thông</i></p>	<p>Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021</p>	<p><b>HTX kinh doanh vận tải, du lịch, xây dựng....</b></p>



		<p><i>tu này, chủ xe sẽ được bù trừ số tiền phí chênh lệch giữa mức phí theo quy định tại Thông tư số 293/2016/TT-BTC với mức phí theo quy định tại Thông tư này vào số phí phải nộp của chu kỳ tiếp theo. Đơn vị đăng kiểm chịu trách nhiệm tính bù trừ tiền phí cho chủ xe vào chu kỳ tiếp theo”.</i></p>		
<p><b>04</b></p>	<p>Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19</p>	<p>Có 14 chính sách hỗ trợ, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chính sách giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</li> <li>2. Chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất</li> <li>3. Chính sách hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho người lao động</li> <li>4. Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương</li> <li>5. Chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc</li> <li>6. Chính sách hỗ trợ người lao động chăm sóc dứt hợp đồng lao động</li> <li>7. Chính sách hỗ trợ bổ sung và trẻ em</li> <li>8. Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với người phải điều trị nhiễm COVID-19 (F0), từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ theo thời gian điều trị thực tế nhưng tối đa 45 ngày.</li> <li>9. Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với người phải thực hiện cách ly y tế (F1) theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền,</li> </ol>		<p>Từ tháng 4/2021 đến 06/2022 (tùy thuộc vào từng chính sách)</p>
				<p><b>Đối tượng thụ hưởng là người lao động, người sử dụng lao động trong đó có HTX, liên hiệp HTX, người sử dụng lao động trong HTX, liên hiệp HTX.</b></p>

7

		<p>từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ tới đa 21 ngày.</p> <p>10. Hỗ trợ một lần 3.710.000 đồng/người đối với đạo diễn nghệ thuật, diễn viên, họa sĩ giữ chức danh nghệ nghiệp hạng IV trong các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động nghệ thuật biểu diễn (không bao gồm các đơn vị nghệ thuật lực lượng vũ trang) phải dừng hoạt động từ 15 ngày trở lên để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.</p> <p>11. Hỗ trợ một lần 3.710.000 đồng/người đối với hướng dẫn viên du lịch được cấp thẻ hành nghề hướng dẫn du lịch bị ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.</p> <p>12. Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh</p> <p>13. Chính sách cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất</p> <p>14. Đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác: Căn cứ điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách của địa phương, các tỉnh, thành phố xây dựng tiêu chí, xác định đối tượng, mức tiền hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ không thấp hơn 1.500.000 đồng/người/lần hoặc 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo thực tế số ngày tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của địa phương.</p>		
--	--	---	--	--



05	Quyết định số 23/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07/7/2021 quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	Hướng dẫn Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, quy định cụ thể đối tượng hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, thủ tục và thời gian áp dụng đối với từng nội dung hỗ trợ.	Thời gian áp dụng tùy thuộc vào từng nội dung hỗ trợ như cụ thể: 12 tháng, từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022; tối đa 6 tháng...	Đối tượng hỗ trợ là Người sử dụng lao động và Người lao động được quy định cụ thể tại Quyết định này. Ngoài ra còn hỗ trợ cho trẻ em (người dưới 16 tuổi theo quy định của Luật Trẻ em) và người điều trị do nhiễm COVID-19 (F0) hoặc cách ly y tế để phòng, chống COVID-19 (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền...
----	--	--	--	--

## II. Các văn bản pháp luật ban hành năm 2020 về chính sách hỗ trợ giảm thiểu khó khăn do đại dịch Covid-19

Số TT	Tên văn bản	Nội dung có liên quan	Thời hạn hiệu lực	Đối tượng thụ hưởng
01	(1) Nghị quyết 42/NQ-CP của Chính phủ ngày 09/04/2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	Chính sách cụ thể: “(1) Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động phải thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên do doanh nghiệp, cơ sở giáo dục dân lập, tư thực, cơ sở giáo dục công	Đang còn hiệu lực. Người lao động, người sử dụng	+ Người lao động làm việc trong HTX, liên hiện HTX, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục

<p>(2) Nghị quyết 154/NQ-CP ngày 19/10/2020 sửa đổi Nghị quyết 42/NQ-CP về biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 do Chính phủ ban hành</p>	<p>lập tự bảo đảm chi thường xuyên ở các cấp mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông gặp khó khăn bởi đại dịch Covid-19, không có doanh thu hoặc không có nguồn tài chính để trả lương thì được hỗ trợ với mức 1.800.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ theo thời gian thực tế tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không lương, theo hàng tháng tùy theo tình hình thực tế của diện bị ảnh hưởng, tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 và không quá 3 tháng</p> <p>(2) Người sử dụng lao động có khó khăn về tài chính và đã trả trước tối thiểu 50% lương ngừng việc cho người lao động theo Khoản 3 Điều 98 của Bộ luật lao động trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 thì được vay không có tài sản đảm bảo tối đa 50% tiền lương tối thiểu vùng đối với từng người lao động theo thời gian trả lương thực tế nhưng không quá 3 tháng với lãi suất 0%, thời hạn vay tối đa 12 tháng tại Ngân hàng Chính sách xã hội để trả phần lương còn lại và giải ngân trực tiếp hàng tháng đến người bị ngừng việc.</p> <p>(3). Hộ kinh doanh cá thể có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 được hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ/tháng theo hàng tháng tùy theo tình hình thực tế của diện bị ảnh hưởng nhưng không quá 3 tháng.</p> <p>(4). Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều</p>	<p>lao động được hưởng các chính sách này Từ tháng 4/2020 đến tháng 06/2020</p>	<p>+ Người sử dụng lao động là các HTX, liên hiện HTX, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục</p>
---	---	---	--

4



kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm được hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng theo hàng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch nhưng tối đa không quá 3 tháng. Thời gian áp dụng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020.

(5). Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng được hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người/tháng. Thời gian áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

(6). Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người/tháng. Thời gian áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

(7). Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia trong danh sách đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 được hỗ trợ 250.000 đồng/khâu/tháng. Thời gian áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

Chính sách khác: Người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 dẫn đến phải giảm từ 20% lao động tham gia bảo hiểm xã hội trở lên so với thời điểm cơ quan có thẩm quyền công bố dịch (kể cả lao động ngừng việc, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, thỏa thuận nghỉ không hưởng lương) thì người lao động và người

		<p>sử dụng lao động được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất không quá 03 tháng kể từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xét hưởng. ”.</p>		
<p><b>02</b></p>	<p>(1) Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/4/2020 quy định về thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19</p> <p>(2) Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/10/2020 sửa đổi Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/4/2020 quy định điều kiện hỗ trợ</p>	<p>Quy định điều kiện hỗ trợ, thủ tục thực hiện để nhận được tiền hỗ trợ đối với các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19</p> <p>Chính sách cụ thể:  “Người lao động được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện:  1. Thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, từ 01 tháng liên tục trở lên tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày 01 tháng 6 năm 2020.  2. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương.  3. Làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục dân lập, tư thực, cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên ở các cấp mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (sau đây gọi tắt là cơ sở giáo dục) không có doanh thu hoặc không còn nguồn tài chính để trả lương (sau khi đã sử dụng các quỹ dự phòng tiền lương, nguồn lợi nhuận sau thuế và các</p>	<p>Đang còn hiệu lực.</p> <p>Người lao động, người sử dụng lao động được hưởng các chính sách này Từ tháng 4/2020 đến tháng 06/2020</p>	<p><b>Người lao động làm việc trong HTX, liên hiệp HTX, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục</b></p>



		<p>nguồn tài chính hợp pháp khác của doanh nghiệp, cơ sở giáo dục) do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.</p> <p>Điều kiện vay vốn:</p> <p>“1. Có người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải ngừng việc từ 01 tháng liên tục trở lên trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.</p> <p>2. Người sử dụng lao động có doanh thu quý I năm 2020 giảm 20% trở lên so với quý IV năm 2019 hoặc doanh thu của quý liên kế trước thời điểm xét hưởng giảm 20% trở lên so với cùng kỳ năm 2019.</p> <p>3. Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019.”.</p>		
<p><b>03</b></p>	<p>Nghị định số 41/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08/4/2020 về gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuế đất</p>	<p>Chính sách cụ thể:</p> <p>“1. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế sau:</p> <p>“a) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;</p> <p>b) Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi</p>	<p>Hiệu lực</p> <p>Các đối tượng được hưởng chính sách này được gia hạn nộp thuế và tiền thuế đất tùy từng nội dung được gia hạn.</p>	<p>Doanh nghiệp, tổ chức (trong đó có HTX, liên hiệp HTX)</p>

		<p>kim loại khác; sản xuất kim loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;</p> <p>c) Xây dựng.</p> <p>2. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế sau:</p> <p>a) Vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; ....</p> <p>b) Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.... ”</p> <p>Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất:</p> <p>“Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 3 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 9 năm 2020.</p> <p>Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 4 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2020.</p> <p>Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 5 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 11 năm 2020.</p>		
--	--	---	--	--



		<p>Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 6 năm 2020 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2020.</p> <p>Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế quý 1 năm 2020 chậm nhất là ngày 30 tháng 9 năm 2020.</p> <p>Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế quý 2 năm 2020 chậm nhất là ngày 30 tháng 12 năm 2020/”.</p>	Còn hiệu lực và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2020	
<p><b>04</b></p> <p>Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội ngày 19/06/2020 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, HTX, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác</p>	<p>Chính sách cụ thể:</p> <p>“1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>2. <b>Tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã;</b></p> <p>3. Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>4. <b>Tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập.</b></p> <p><b>Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp</b></p> <p>1. Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.</p> <p>2. Doanh nghiệp căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này để tự xác định số thuế được giảm khi</p>	<p>Áp dụng đối với người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp</p>		

		<p><i>tam nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020”.</i></p>		
<p><b>05</b></p>	<p>Nghị định số 114/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/09/2020 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội ngày 19/06/2020</p>	<p>Hướng dẫn Tổng cục thuế, Chi cục thuế địa phương thực hiện: “<i>Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng</i>”.</p>	<p>Còn hiệu lực và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2020</p>	<p><b>Áp dụng đối với doanh nghiệp, HTX, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.</b></p>
<p><b>06</b></p>	<p>Nghị định số 22/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/02/2020 sửa đổi Nghị định 139/2016/NĐ-CP</p>	<p>Quy định về miễn lệ phí môn bài 01 năm đầu cho tổ chức, doanh nghiệp mới thành lập hoặc bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh .</p> <p>Chính sách cụ thể:</p> <p>“<i>Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài</i></p> <p>1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>a) Khoản 6 Điều 3 được sửa đổi như sau:</p> <p>“<i>6. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp theo quy định của pháp luật về hợp tác xã nông nghiệp.</i>”</p> <p>b) Khoản 7 Điều 3 được sửa đổi như sau:</p> <p>“<i>7. Quy tín dụng nhân dân; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác</i></p>	<p>Còn hiệu lực</p>	<p><b>Áp dụng cho doanh nghiệp, HTX, Liên hiệp HTX mới thành lập hoặc bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh.</b></p>

*R*



	<p><i>xã, liên hiệp hợp tác xã và của doanh nghiệp tư nhân kinh doanh tại địa bàn miền núi. Địa bàn miền núi được xác định theo quy định của Ủy ban Dân tộc.</i></p> <p><i>c) Bổ sung khoản 8, 9 và khoản 10 Điều 3 như sau:</i></p> <p><i>“8. Miễn lệ phí môn bài trong năm đầu thành lập hoặc ra hoạt động sản xuất, kinh doanh (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12) đối với:</i></p> <p><i>a) Tổ chức thành lập mới (được cấp mã số thuế mới, mã số doanh nghiệp mới).</i></p> <p><i>b) Hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân lần đầu ra hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i></p> <p><i>c) Trong thời gian miễn lệ phí môn bài, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời gian tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân được miễn lệ phí môn bài”.</i></p>	
<p><b>07</b></p>	<p>Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội ngày 10/06/2020 về Kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp</p>	<p>Kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11</p>
	<p>Hiệu lực từ 01/01/2020 đến 31/12/2025</p>	<p>Áp dụng cho tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng đất nông nghiệp</p>

		<p>năm 2016 của Quốc hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025</p>		
<p>08</p>	<p>Thông tư 01/2020/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 13/03/2020</p>	<p>Quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi suất, phí, giữ nguyên nhóm nợ do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19</p> <p>Chính sách cụ thể:</p> <p><b>Miễn, giảm lãi, phí</b></p> <p>“Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liên kế sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid-19 và khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19.”</p> <p><b>Giữ nguyên nhóm nợ</b></p> <p>“1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt</p>	<p>Hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 01 năm 2020 đến ngày liên kế sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành</p>	<p>+ <b>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng...</b></p> <p>+ <b>Tổ chức, cá nhân khác (doanh nghiệp, HTX) có liên quan đến việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</b></p>

17



		<p>Nam tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020 đối với số dư nợ sau đây:</p> <p>a) Số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ quy định tại Điều 4 Thông tư này;</p> <p>b) Số dư nợ được miễn, giảm lãi quy định tại Điều 5 Thông tư này;</p> <p>c) Số dư nợ quy định tại điểm a, b khoản này bao gồm cả phần dư nợ đã cơ cấu lại thời hạn nợ, miễn, giảm lãi và điều chỉnh nhóm nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành...”.</p>		
<p><b>09</b></p>	<p>Thông tư 05/2020/TT-NHNN ngày 07/5/2020 của Ngân hàng Nhà nước về việc cấp vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội</p>	<p>Quy định về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là tái cấp vốn)</p> <p>Chính sách cụ thể:          “Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội</p> <p>1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho Ngân hàng Nhà nước các văn bản, tài liệu về việc vay tái cấp vốn. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về</p>	<p>Hiệu lực thi hành, áp dụng từ ngày 07 tháng 5 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.</p>	<p>- Ngân hàng chính sách xã hội</p> <p>- Người sử dụng lao động gồm tổ chức, doanh nghiệp, HTX, liên hiệp HTX</p>

		<p>tình chính xác, hợp pháp của các văn bản, tài liệu đã cung cấp.</p> <p>2. Kỳ Hợp đồng nguyên tắc về tái cấp vốn, Khế ước nhận nợ với Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, nhận giải ngân tiền vay tái cấp vốn và trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại Thông tư này.</p> <p>3. Sử dụng tiền vay tái cấp vốn đúng mục đích; theo dõi, hạch toán, quản lý riêng khoản vay tái cấp vốn quy định tại Thông tư này.</p> <p>4. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 8 năm 2020, Ngân hàng Chính sách xã hội có văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính báo cáo Thông đốc Ngân hàng Nhà nước về số liệu tiền vay tái cấp vốn đã giải ngân theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Tin dùng các ngành kinh tế; thời gian chốt số liệu từ ngày bắt đầu nhận giải ngân tiền vay tái cấp vốn đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020.</p> <p>5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo sau tháng phát sinh tiền trả nợ của người sử dụng lao động, Ngân hàng Chính sách xã hội có văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Tin dùng các ngành kinh tế), báo cáo về việc trả nợ vay tái cấp vốn từ tiền trả nợ của</p>		
--	--	--	--	--



<p><b>10</b></p>	<p>Thông tư 34/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 5/5/2020 về mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng.</p>	<p>người sử dụng lao động theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; thời gian chốt số liệu từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng phát sinh tiền trả nợ của người sử dụng lao động, 6. Đơn đốc, thu hồi khoản cho vay người sử dụng lao động để trả nợ vay tái cấp vốn Ngân hàng Nhà nước."</p>	<p>Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.</p>	<p><b>Chủ đầu tư các dự án xây dựng</b></p>
<p>Quy định một số phí trong lĩnh vực này đều được giảm 50% so với quy định hiện hành. Theo đó, kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, nộp lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.</p> <p><i>Chính sách cụ thể:</i></p> <p>"+ Mức thu, nộp lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng</p> <p>Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng thực hiện nộp lệ phí như sau:</p> <p>1. Kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, nộp lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm</p>				

	<p>2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng (sau đây gọi là Thông tư số 172/2016/TT-BTC).</p> <p>Trong thời gian có hiệu lực của Thông tư này, không nộp lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mức quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC.</p> <p>2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, nộp lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mức thu quy định tại Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC.</p> <p>+ Mức thu, nộp phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở</p> <p>Chủ đầu tư các dự án là người nộp phí theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở (sau đây gọi là Thông tư số 209/2016/TT-BTC) thực hiện nộp phí như sau:</p> <p>1. Kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, nộp phí bằng 50% mức phí quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC.</p>		
--	---	--	--

A



11	Thông tư 35/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 05/5/2020 quy định về mức thu, nộp phí thẩm định Giấy	<p>Trong thời gian có hiệu lực của Thông tư này, không nộp phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở theo mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC.</p> <p>2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, nộp phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở theo mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC.</p> <p>+ Mức thu, nộp phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng</p> <p>Chủ đầu tư các dự án là người nộp phí theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng (sau đây gọi là Thông tư số 210/2016/TT-BTC) thực hiện nộp phí như sau:</p> <p>1. Kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, nộp phí bằng 50% mức phí quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC.":</p>	Hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến hết	Tổ chức, cá nhân trong đó có HTX, liên hiệp HTX kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy
----	---	--	--	--

	<p>phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thăm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch</p>	<p>5 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, nộp phí bằng 50% mức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thăm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thăm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Trong thời gian có hiệu lực của Thông tư này, không nộp phí thăm định Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thăm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch theo mức phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 33/2018/TT-BTC".</p>	<p>ngày 31 tháng 12 năm 2020.</p>	<p><b>phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.</b></p>
--	--	---	-----------------------------------	--